

Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ

Ch S, ngày 02 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Đ T, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ T, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị L đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai số 112/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2016 nên anh S và chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2.2 Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Lê Văn S và chị Trần Thị L có 03 con chung là: Cháu Lê Đoàn Nguyên H, sinh ngày 24/7/2000; cháu Lê Đoàn Trường S, sinh ngày 14/3/2002; cháu Lê Đoàn Thu U, sinh 12/3/2011. Theo quyết định số 112/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L thì Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh S là: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu (H, S và U); anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu là 1000.000đồng (Một triệu đồng), kể từ ngày 03/11/2016. Nay, anh S và chị L thỏa thuận: Thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu Lê Đoàn Trường S. Giao cho anh Lê Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đoàn Trường S, sinh ngày 14/3/2002

cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Lê Văn S không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đoàn Trường S cùng chị Trần Thị Lệ kể từ ngày 01/01/2018.

Anh Lê Văn Sáu không yêu cầu chị Trần Thị L phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đoàn Trường S cùng anh.

2.4 Vì lợi ích của con chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; anh S và chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở việc anh chị thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn sơ thẩm, Anh Lê Văn S và chị Trần Thị L mỗi người phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh S tự nguyện nộp thay phần án phí mà chị L phải nộp, nên phần án phí mà anh Sáu phải nộp là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp trước đây, theo biên lai số 0001522 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Hoàn lại cho anh S phần tạm ứng án phí còn dư là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.6 Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn S và chị Trần Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh S và chị L không yêu cầu và thỏa thuận gì thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ch S;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- TAND tỉnh G L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

